

“Đ a Ng c và Diêm Vô ng” là nh ng danh t trong Đ i L Vu Lan B n th ng đ c nh c đ n, khi nói đ n th ng b y ng i ta l n nghĩ đ n Đ a Ng c và n i kh trong đ a ng c, r i các vong h n ng qu th kh trong đ a ng c, làm cách nào đ c u kh, Đ c Đ a T ng B Tát đã phát nguy n “Chúng sanh đ n ph ng ch ng B đ, Đ a Ng c v không th b t thành Ph t” hay dân gian th ng có câu “Ta không vào Đ a ng c thì ai vào...”.

Kinh Ph t Thuy t Báo Ph M u Ân có chép: “sau khi ch t b ðày vào ng c, Ngũ Vô Giác cũng g i A T, ng c này trong núi Thi t Vi, vách phen b ng s t chung quanh b n b, trong ng c này hàng ngày l a cháy, đ t t i nhân h t th y thành than... ngày ðêm ch t s ng mu n l n, đ n trăm ngàn ki p không ng ng m t gây”.

Quan ni m v Đ a Ng c c a Ph t Giáo có ngu n g c t t n ng ng đ a ng c c a Bà La Môn Giáo n Đ, h th ng giáo lý Ph Đ a c a Bà La Môn Giáo, t r t s m đã có nh c đ n Đ a Ng c. Trong Lê Câu Ph Đ đã có s ghi chép v Diêm Vô ng, v chúa t c a đ a ng c và h quan ni m r ng đ a ng c là ch đ các vong h n trú ng trong th i gian ch đ i đ u thai.

Theo truy n thuy t Bà La Môn Giáo nói r ng, ng i ch t đ u tiên trên th gi i Ta Bà tên Ti ng Ph m là Yama, Đông đ phiên âm Diêm Ma, t ng truy n r ng sau này tr thành là vua c a âm ph th ng lãnh đ a ng c.

Diêm Vô ng là tên g i phiên âm ti ng Ph m, còn g i Diêm La Vô ng, Diêm La Đ i Vô ng, Diêm Ma Vô ng, Diêm Ma, Di m Ma, Di m Ma La, có nghĩa là “Ph c” t c là trối bu c, trối

buộc những người có tội. Cũng có một quan niệm khác là Diêm Vương gồm có hai người, theo sách **Huyền Ngạn Nghĩa** chép: “Diêm vương có hai anh em, anh tên là Diêm La, em gái tên là Diêm Mị, anh cai quản các vong hồn người nam, còn em thì cai quản các vong hồn nữ...”.

Trong **Kinh Văn Đóa Ngọc** có chép: “Diêm vương trước kia là vua của nước Tỳ Sa, đánh nhau với vua Duy Đà Thủy Sanh, bị thua trốn cho nên trốn sang, chết rồi làm vua của Đóa Ngọc. 18 vị đấng thần của nhà vua cùng với 100 vạn quân lính cũng đem xuống đóa Ngọc để coi giữ, và trừ tội các tội nhân dưới âm phủ. 18 vị đấng thần sau này thành 18 vị tiều phu coi giữ 18 tầng đóa Ngọc và 100 vạn quân sau này trở thành người tội đồ của ty.”.

Trong sách **Huyền Lâm Nhật Thích Kinh Âm Nghĩa** quy định thế 5 chép về Diêm vương rằng: “Tiếng Phồn gọi là Diêm ma, dịch nghĩa là Bình Đẳng Vương, Âm ty đây là nơi ghi chép các nghiệp phẩm của người khi sinh ra cho đến khi chết của con người, Diêm vương là chúa tể của đóa Ngọc, bắt tội, bắt hạn và thống lãnh hết thảy các quy định thu thuế và người tội, là người quản lý tội của người ma trong ngũ thú, truy bắt tội nhân, tra khảo tội, quy định đoán tội nặng, không có lúc nào nghỉ ngơi.”.

Quan niệm về đóa Ngọc của Phật Giáo, là do thuyết luân hồi, nghiệp và quả báo. Theo lý Phật dạy, đóa Ngọc là một trong sáu đấng luân hồi trong Lục Đạo, người bị luân hồi vào trong Lục Đạo là căn cứ theo nghiệp báo của họ đã tạo. Người bị vào chịu khổ đau trong đóa Ngọc không phải là vĩnh viễn, tuy là chịu khổ nhưng cũng có lúc chết và sống như trên đời gian, đến khi trở hết tội thì theo nghiệp định mà đấng cảnh sanh với cảnh giới khác.

Địa Ngục của Phật Giáo tiếng Phạn gọi Naraka phiên âm là A Tỳ, ý nghĩa là Vô gián, có nghĩa là nơi này, suốt không ngừng không có thời gian dừng dứt, là nơi khổ đau nhất trong Lục Đạo. Thế nhưng đức Phật đem so với các nơi khổ của thế gian, nơi thế gian khổ là A tỳ địa ngục còn khổ hơn sống tội nhân trong mặt xã hội đen tối ở thế gian, sự hà khắc khổ đau của địa ngục còn hơn rất nhiều so với ở trong lao ngục trên thế, muốn thoát khỏi mà không có cách nào thoát ra đức Phật nói khổ đó nên gọi là Địa Ngục.

Danh từ A Tỳ địa ngục đức Phật xuất hiện rất nhiều trong kinh điển Phật Giáo **Kinh Pháp Hoa phẩm Pháp Sư Công Đức**

có chép: “Phật nói cho đức Phật A Tỳ Địa ngục...” trong

Đôn Hoàng Bản Văn Tỳ p. Di Đà Pháp Liên Hoa Kinh Giảng Kinh Tỳ p

có chép: “lúc còn sinh tiền cha tụng tu phước, chết đưa vào A Tỳ Địa ngục...”

Tên gọi và ý nghĩa của địa ngục đức Phật rất nhiều luận điển của Phật Giáo như đức Phật, như trong **Luận Luận Phật A Tỳ Đàm**

chép về danh xưng của địa ngục: “Địa ngục Tiếng Phạn là Niraya phiên âm là Ni Lỵ da, có nghĩa là nơi mà hoàn toàn không có hạnh phúc và phước đức”.

Trong **Luận Tân Bà Sa** chép: “Địa Ngục tiếng Phạn là Naraka phiên âm là Na Lỵ c già, tức là chỗ nơi không có ý hạnh phúc và đời hạnh phúc trong ý.”. Qua đó phần nào chúng ta cũng có thể hình dung đức Phật địa ngục là nơi như thế nào. Địa Ngục theo quan niệm của Phật Giáo có bốn loại:

Loại hình nhất là Bát Địa Địa Ngục: Bát địa địa ngục theo Luận Câu Xá quy định 11 và sách Địa Thập Nghĩa Chương quy định 8 có chép: “Bát địa địa ngục nằm ở phía nam của núi Tu Di, thuộc phạm vi của Nam Phạm Thiên Tăng Trưởng Thiên Vương, phía dưới của Nam Thiên Bôn Châu...”

Địa ngục này là ngục chính của âm phủ, bên phía đâu đâu cũng toàn là lửa đỏ, cho nên còn gọi là “Bát nhiệt địa ngục” và tầng cuối cùng của địa ngục này, mà mọi người ai nghe cũng sợ đó là Địa ngục A Tỳ, hoặc còn gọi là Vô gián địa ngục. Bát Địa Địa Ngục gồm có tám ngục:

1. Địa ngục Hỏa Địa Ngục tiếng Phạn là Samjva; những vong hồn của người vào đây tàn sát lẫn nhau, chết rồi là bị đốt lần gió lạnh thổi vào làm cho sống dậy, rồi tiếp tục chém giết, cứ như vậy sống chết, chết rồi sống, không ngừng, không dứt.
2. Địa ngục Địa Địa Ngục tiếng Phạn là Kalsotra; trong địa ngục này dùng dây bằng sắt thép xoắn xích dây xoắn lại nhân.
3. Địa ngục Địa Địa Ngục tiếng Phạn là Samghata; dùng những hình của tra tấn, với thú dữ tra khảo tra nhân.

4. Khi u Khi u Đóa Ngọc tiêng Phụng là Rdurava; tị nhân trong đóa ngọc này bẻ chà đập mài dũa, đau khổ vô cùng rên khóc kêu la thối m thối t.

5. Đói Khi u Đóa Ngọc tiêng Phụng là Mahaurava; đóa ngọc này tị nhân bẻ trêng phết vô cùng nêng nẻ đau đởn, nên tiêng kờ u rêng rết lờn.

6. Viêm Nhiêt Đóa Ngọc tiêng Phụng là Tapana; tị nhân trong đóa ngọc này bẻ nẻ u trong vức đởng sôi, bẻ nẻ ng bẻ quay trong hỏm lỏa.

7. Đói Nhiêt Đóa Ngọc tiêng Phụng là Pratapana; đóa ngọc này trêng trẻ tị nhân bẻ ng các công cẻ bẻ ng lỏa còn thối m khỏ c hỏn đóa ngọc Viêm Nhiêt.

8. A Tẻ Đóa Ngọc tiêng Phụng là Avici còn gẻi là Vô Gián Đóa Ngọc, nghĩa là không có thẻi gian đởng nghẻ gián đỏn, phỏm là nhẻng ai phỏm vào 10 đẻi u bẻ t thẻi n, sau khi chẻ t bẻ đỏa và đỏa ngọc này chẻ u khỏ vô cùng, không có lúc nào mà sẻ trêng phết đau đởn đẻ c nghẻ ngẻi nên mẻi gẻi là Vô Gián.

Loại thứ hai là Bát Hàn Địa Ngục: Địa ngục này như lửa vô cùng, nhưng chúng sanh bỏ địa vào địa ngục này thì khổ vô như giá vô cùng vô tận, đau đớn khóc lóc kêu than không dứt, như thân thể đông cứng biến màu tím ngả. theo sớ ghi chép trong sách Câu Xá Luận Quan Ký quyển 11, thì Bát Hàn Địa Ngục cũng có 8 ngục:

1. A B Đà Địa Ngục tiếng Phạn là Arbud, nhưng vong hồn bỏ địa vào trong địa ngục này do bỏ như lửa, toàn thân thâm tím, mặt như t ghĩa ngả khắp thân.

2. Ni Thập B Đà Địa Ngục tiếng Phạn là Nirarbuda, khi bỏ địa vào trong ngục này, thân thể biến nát ra do khí như, cũng giống như mìn như t ghĩa bỏ máu mũ tràn tràn đau nhức không thể dứt.

3. A Tra Tra Địa Ngục tiếng Phạn là Atata, các vong hồn bỏ địa vào địa ngục này, như thân nư i mìn ng môi đũa đông cứng lại, phát ra tiếng kêu rét rung.

4. Hỏa Hỏa Bà Địa Ngục tiếng Phạn là Hahava, khi bỏ địa vào địa ngục này như thân nư i mìn ng mìn đông cứng lại thân nư i phát lên tiếng kêu lửa c c c r t n.

5. Hộ Hộ Bà Địa Ngục tiêng Phạm là Huhuva, khi đi vào địa ngục này, toàn thân hoàn toàn bằng đồng cứng, chỉ còn nơi yết hầu phát ra âm thanh hô hô như gáy gà.

6. Ôn Bát La Địa Ngục tiêng Phạm là Utpala, khi đi vào địa ngục này thân thể đồng cứng đen nơi rốn nở ra như nhện ngỗng sọc trên cánh của hoa sen xanh.

7. Bát Địa Ma Địa Ngục tiêng Phạm là Padma, đi vào địa ngục này thân thể hoàn toàn đồng thành băng giá nứt tét như u đống thây thối ở bên trong, như nhện ngỗng sọc trên cánh sen hồng.

8. Ma Ha Bát Địa Ma Địa Ngục tiêng Phạm là Mahapama, khi đi vào địa ngục này như đen nơi xương cứng thành đá nứt rạn thành như u đống, như nhện ngỗng sọc trên cánh sen hồng là hoa sen màu trắng.

Trong **Địa Trí Luận quyển 16** có chép: “tức như bên của Bát địa ngục còn có Bát viên của địa ngục, số lượng của các địa ngục này còn nghề gốm kinh hải như như. Bát viên của địa ngục gốm có các địa ngục như :

1. Đ a ng c h m l a;
2. Đ a ng c n c s i;
3. Đ a ng c l a cháy nh cháy r ng;
4. Đ a ng c r ng ki m;
5. Đ a ng c đ ng đi trên đ ao;
6. Đ a ng c đ m chem;
7. Đ a ng c chìm h p trôi n i trên sông;
8. Đ a ng c tr đ ng đ t cháy”.

Lo i th ba Du Tăng Đ a Ng c: Trong Bát Nhi t đ a ng c c m i t ng đ a ng c đ u có b n c ng, c m i c ng l i có b n đ a ng c nh , có t ng c ng là 128 đ a ng c. Phàm là chúng sanh b sa vào đ a ng c này thì ph i đi qua h t t t c các đ a ng c, đ ch u s tr ng ph t kh s , cho nên g i là Du Tăng đ a ng c, v i ý là càng đi thì càng g p nhi u đ a ng c h n.

Lời thạ tạ Cô Đạ c Đạ a Ngạ c còn gạ i là Bình Ngạ c trong Câu Xá Tạ ng Sạ quyạ n thạ 10 chép: “Đạ a Ngạ c này còn khạ hạ n sạ ng cô đạ c lạ c lặng mạ t mình trong rạ ng hay bên bạ sông hoang vạ ng, không nhà, không ngạ i, cô đạ c khạ sạ , không phạ i là cuạ c sạ ng cạ a ngạ i thạ ng...”. Nói tóm lạ i Bát nhiạ t, Bát Hàn, Du Tặng, Cô Đạ c đạ a ngạ c tạ ng cạ ng có 18 xạ gạ i là mạ i tám tạ ng Đạ a Ngạ c.

Đông Đạ thạ i cạ đạ i không có khạ niạ m vạ Đạ a Ngạ c, khạ niạ m và tín ngạ ng Đạ ngạ c đạ c truyạ n vào Đông Đạ theo bạ c chạ cạ Phạ t Giạo vào khoạ ng thạ i kạ Nam Bạ c triạ u, do ngài An Thạ Cao đạ ch bạ Kinh Thạ p Bát Nê Lê, nạ i dung cạ a Kinh nói vạ 18 tạ ng đạ a ngạ c, tạ đạ tín ngạ ng vạ đạ a ngạ c đạ c truyạ n vào Đông đạ , Đạ n đạ i nhà Đạ ng thạ đạ t đạ n cạ c thạ nh.

Sách Phạ t Tạ Thạ ng Kạ chép: “truyạ n rạ ng đạ i nhà Đạ ng, Hòa Thạ ng Đạ o Minh, xuạ t thạ n đạ xuạ ng đạ a phạ ...” rạ i viạ c Triạ u đạ i nhà Đạ ng sạ c phong cho Diêm La Vạ ng, phong ông làm thạ ng lặnh vạ binh cạ a Ngạ Nhạ c... qua đạ thạ y rõ ý niạ m vạ đạ a ngạ c cũng nhạ tín ngạ ng vua Diêm Vạ ng đạ rạ t phạ biạ n trong xạ hạ i đạ ng thạ i, và đạ c lan truyạ n rạ ng rạ i trong các nạ c Á đông.

Đạ a Ngạ c và Vua Diêm La trong tín ngạ ng cạ a Phạ t Giạo là **“Khuyạ n thạ n, trạ ng ác”** theo niạ m tin cạ a Phạ t Giạo

“gieo nhân nào thì gạ t quạ y”

, theo mạ ch sạ ng đạ o đạ c cạ a xạ hạ i đông phạ ng

“làm ác thì khó thoát đạ c lạ i trạ i”

tạ t cạ đạ u tạ tâm cạ a chúng sanh vô minh, bạ t thạ n, vạ ng tạ ng tạ o thành, nạ u ngày nào các tâm này không còn nạ a thạ Diêm vạ ng, Đạ a ngạ c đạ u không.

Cho nên đi u quan trọng nhất là ch trong đau khổ thì con người mình ra đời c chân thật, mình thấy đời c mình làm là đúng hay sai, cũng chính khi thế khổ t cùng thì niềm tin và chân thật thì n lành m i tr v v i h , tâm nguyện vãng sanh h n lúc nào h t làm cho h có phát nguyện quy y Tam Bảo, và v Phật trong tim th c c a chính m i vọng h n b t đ u t a sáng đ xóa đ n bóng t i vô minh, giác ngộ chánh ch n, tu hành thành Phật.

Chính vì vậy, Địa Ngoc theo t t ng Địa Th a giáo h i cho r ng, chính n i t i tâm và c c kh này là đ o tràn t t nh t đ tu t p c a các b c Địa Th a Bồ Tát, vì chúng sanh n i này là đáng đ nh t, ánh sáng trí tu c a Phật là ánh sáng thánh thì n nh t đ soi r i cho h . Lòng t bi c a Phật là tình c m mà đ a ng c chúng sanh tha thì t c n đ c c có nh t.

Vì nhân nh v y, nên Đ Nguyện Địa T ng Vương Bồ Tát phát nguyện “ch a đ h t chúng sanh, ta th không thành Phật, Địa Ngoc m t ngày nào ch a tr ng không thì ta ch a ch ng qu v B đ ”. V y Vua Diêm La hi n nhiên là m t v Địa Bồ Tát Địa Th a trong ý ni m “Ta không vào đ a ng c thì ai vào”. H t th y đ u vì tâm t đ c u đ chúng sanh, nh ng vì do nghi p c m c a chúng sanh có s sai khác, nên các b c Địa Th a Bồ Tát “Tr c lo i tùy hình, ng hi n s c thân, đ n đ ng đi u pháp”.

Thích Tâm Mãn - Chùa Minh Thành